

Số: 02/2021/QĐST-VDS

Tiên Du, ngày 13 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
“V/v Hủy kết hôn trái pháp luật”**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ngô Xuân Phong

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Quế - Thư ký TAND huyện Tiên Du

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 07/2021/TLST-VDS ngày 21 tháng 7 năm 2021 về việc “Hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp số: 07/2021/QĐ- VDS ngày 30/7/2021.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1969. Có mặt

2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1975. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Bát L, xã H, huyện T, Bắc Ninh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã H, huyện T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Minh H – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã H, huyện T. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG

Tại đơn yêu cầu, biên bản ghi lời khai chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn vào ngày 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã H, huyện T trên cơ sở tự nguyện (Giấy chứng nhận kết hôn số 12, đăng ký năm 1993). Trước khi kết hôn chị và anh T có được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên chị kết hôn với anh T khi chưa đủ tuổi. Do vậy, chị đã khai chị sinh năm 1975 chứ không phải sinh năm 1976.

UBND xã H đã căn cứ vào giấy giới thiệu của địa phương chị H nên đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị H và anh T. Quá trình chung sống, vợ chồng chị hạnh phúc, có con chung và tài sản chung. Nay chị nhận thấy việc đăng ký kết hôn với anh T khi chị chưa đủ tuổi kết hôn là vi phạm pháp luật và gây khó khăn trong việc thực hiện thủ tục giấy tờ cho gia đình. Chị H thừa nhận các giấy tờ tùy thân của chị như: Chứng minh nhân dân/căn cước công dân, Sổ hộ khẩu đều thể hiện chị sinh năm 1976. Do vậy, chị và anh T cùng thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận chị và anh T là vợ chồng tại thời điểm chị đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Anh Vũ Văn T thống nhất với lời trình bày của chị H về thủ tục và điều kiện kết hôn như trên. Anh nhận thấy việc kết hôn với chị H khi chị H chưa đủ tuổi kết hôn là vi phạm pháp luật. Do vậy, anh đồng ý với ý kiến của chị H về việc hủy kết hôn trái pháp luật và đề nghị công nhận anh và chị H là vợ chồng tại thời điểm chị H đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp chị H và anh T đều thừa nhận việc kết hôn khi chị H chưa đủ tuổi là vi phạm pháp luật và cùng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H tại thời điểm chị H đủ tuổi theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đại diện UBND xã H trình bày: Căn cứ vào bản trích sao Sổ đăng ký kết hôn của UBND xã H thể hiện tại thời điểm đăng ký kết hôn năm 1993, chị Lê Thị H sinh năm 1975, không phải sinh năm 1976. Như vậy, căn cứ vào sổ đăng ký kết hôn trên thì tại thời điểm đăng ký kết hôn chị H đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị H, anh T đều kết hôn tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào. Việc đăng ký kết hôn được tiến hành tại UBND xã H. Việc kết hôn giữa chị Lê Thị H và anh Vũ Văn T đảm bảo các quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Nay chị H cung cấp năm sinh là 1976. Đối chiếu với thời điểm kết hôn năm 1993 thì chị H chưa đủ tuổi kết hôn. Chị Lê Thị H và anh Vũ Văn T đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết “Hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ vợ chồng”, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi cho anh T và chị H. Đại diện UBND xã H đề nghị giải quyết vắng mặt tại các hoạt động tố tụng của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng giải quyết việc dân sự, thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự về Thủ tục giải quyết việc dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 68,70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về phần nội dung: Căn cứ Khoản 6, Điều 3, Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986, Điều 2,3,4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, Điều 29, 35, 39, 362, 365 và Điều 366, Điều 367, Điều 370 BLTTDS, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016: Đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái

pháp luật giữa anh Vũ Văn T và chị Lê Thị H; công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Văn T và chị Lê Thị H từ thời điểm từ ngày 08/10/1994.

Kiến nghị phòng ngừa, tuyên truyền phổ biến về việc tuân thủ đúng quy định về điều kiện đăng ký kết hôn.

Anh T, chị H không phải chịu lệ phí sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị H và anh Vũ Văn T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 năm 1993 của UBND xã H, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Chị H và anh T có đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị H và anh T. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b, khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc chị H và anh T yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du;

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng đề các đương sự tham gia phiên họp. UBND xã H, huyện Tiên Du là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục mở phiên họp theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung yêu cầu:

Theo chị H trình bày tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, chị đã khai sinh năm 1975 để được xác nhận tình trạng hôn nhân và kết hôn với anh T. Theo Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân của chị Lê Thị H thể hiện chị H sinh ngày 08/10/1976. Mặt khác, theo Sổ đăng ký kết hôn của UBND xã H thể hiện tại thời điểm đăng ký kết hôn năm 1993 chị H và anh T kết hôn ngày 28/9/1993 và chị Lê Thị H sinh năm 1975 chứ không phải năm 1976. Ngoài ra, quá trình giải quyết UBND xã H xác nhận chị Lê Thị H sinh năm 1975 và chị Lê Thị H sinh năm 1976 là cùng một người. Như vậy, tại thời điểm năm 1993 khi đăng ký kết hôn chị Lê Thị H chưa đủ 17 tuổi là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H và anh Vũ Văn T hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lê Thị H và anh Vũ Văn T. Tuy nhiên, tại phiên họp chị Lê Thị H và anh Vũ Văn T đều có yêu cầu được công nhận quan hệ hôn nhân tại thời điểm chị H đủ điều kiện kết hôn.

Xét yêu cầu của chị Lê Thị H, anh Vũ Văn T thấy: Anh T và chị H hiện đang sống chung hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và anh T và chị H

đều đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh T và chị H. Căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: “*Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này*” và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Văn T và chị Lê Thị H từ ngày 08/10/1994 khi chị Lê Thị H đủ tuổi đăng ký kết hôn.

[3] Về lệ phí: Căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án thì anh Vũ Văn T và chị Lê Thị H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367; Điều 370, Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5,9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 8, Khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Văn T và chị Lê Thị H

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vũ Văn T và chị Lê Thị H (Giấy chứng nhận kết hôn số 12, trang 1, đăng ký năm 1993 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh cấp”.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Văn T và chị Lê Thị H kể từ ngày 08/10/1994.

Anh Vũ Văn T và chị Lê Thị H có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc ghi chú vào Sổ hộ tịch theo Luật hộ tịch.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Anh Vũ Văn T và chị Lê Thị H không phải chịu lệ phí sơ thẩm;

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Ngô Xuân Phong